TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 647/2022/QĐST-VHNGĐ	*B, ngày 15 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, 8, 9, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 682/2022/TLST-VHNGĐ ngày 16/3/2022, về việc "Yêu cầu công nhận Tận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn" giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông Phạm Tuấn A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 22/14, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: C16, tổ 20, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Thị Hoài T xây dựng gia đình năm 2019, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã (nay là Thành phố D), tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng cả ông A và bà T vẫn không thể tìm được tiếng nói chung và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Thị Hoài T.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa ông A và bà T có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 27/04/2019. Ly hôn ông A và bà T thống nhất thỏa Tận giao cháu K cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông A cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông A và bà T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông A và bà T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông A và bà T tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nên được ghi nhận.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 27/04/2019 cho bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Phạm Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Tuấn A không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì được được thi hành án dân sự, người phải thị hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông Phạm Tuấn A và bà Nguyễn Thị Hoài T tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông A, bà T đã nộp theo biên lai T số 0001818 ngày 16/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Lan Hương